

## **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HOÁ HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

Vũ Thị Thương<sup>1,3</sup>, Cao Việt Hà<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Công ty Tư vấn và Dịch vụ khoa học nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*

<sup>2</sup>*Khoa Tài nguyên và Môi Trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;*

<sup>3</sup>*Nghiên cứu sinh Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*

Email\* :cvha@hua.edu.vn

Ngày gửi bài: 29.11.2012

Ngày chấp nhận: 25.06.2013

### TÓM TẮT

Lục Ngạn là huyện trọng điểm nông nghiệp của tỉnh Bắc Giang. Trên địa bàn huyện có 7 loại hình sử dụng đất chính với các cây hàng hóa trọng điểm là vải thiều, hồng và keo. Trong các loại hình sử dụng đất, cây vải và cây keo cho hiệu quả kinh tế cao nhất với giá trị sản xuất đạt từ 142,5-76,8 triệu/ha/năm, 51,3-52,65 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, giá trị ngày công từ 128.000-180.000 đồng và hiệu quả đồng vốn từ 1,71- 2,01 lần. Các kiểu sử dụng đất hai lúa và lúa màu cho hiệu quả kinh tế không cao nhưng có vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực. Đến năm 2020 diện tích đất chuyên lúa, lúa - màu dự kiến là 4.000 - 4.200ha, diện tích trồng cây ăn quả khoảng 18.500ha trong đó diện tích trồng vải thiều chất lượng cao từ 12.000 - 15.000ha, diện tích rừng sản xuất sẽ mở rộng lên 33.000ha chủ yếu trồng cây keo lấy gỗ và cây nguyên liệu giấy.

Từ khoá: Hiệu quả sử dụng đất, huyện Lục Ngạn, sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

### **Effectiveness Evaluation of Agricultural Land and Proposing Land Use Type for Commodity Oriented at Lucngan District, Bac Giang Province**

#### ABSTRACT

Luc Ngan is an important agricultural district of BacGiang province. The district has five main land use types, i.e. paddy rice, paddy rice – upland crops, vegetables – upland crops, fruit crops and forest. The key commodity crops are lychee, persimmon and Acacia. Of the current land-use types, lychee and acacia bring maximum economic efficiency in terms of total revenue per ha per annum, mixed income, workday value and cost-benefit ratio. The land use types of rice-rice and rice-upland crops do not bring not high economic efficiency but play a vital role in ensuring food security. By 2020, 4,000-4,200 hectares are projected for rice and rice and non-rice crops and about 18,500 ha for lychee cultivation, of which 12,000-15,000 hectares devoted to high quality lychee. Forest area will be expanded to 33,000ha, mainly with Acacia for timber and paper pulp.

Key words: Agricultural commodity production, land use efficiency, Lucngan district

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lục Ngạn là huyện thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc, với tổng diện tích tự nhiên 101.728,20 ha, lao động nông nghiệp chiếm khoảng 67%. Trong những năm qua, cơ cấu nông nghiệp của huyện đã có những chuyển dịch theo hướng tích cực: bắt đầu hình thành các khu vực chuyên canh, các mô hình kinh tế trang trại, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo

hướng bán công nghiệp ngày càng phát triển, hình thành các tổ nhóm canh tác theo hướng VietGap... Tuy nhiên, sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện còn nhiều vấn đề bất cập cần giải quyết. Là huyện trọng điểm nông nghiệp của tỉnh nhưng sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể, chưa xác định cây trồng chủ lực có tính hàng hóa, chất lượng sản phẩm chưa cao nên hiệu quả sử dụng đất còn thấp. Trong quá

trình hội nhập với thế giới, nên nông nghiệp của nước ta nói chung và của Lục Ngạn nói riêng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá trên địa bàn huyện là tất yếu.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Đối tượng nghiên cứu: Một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lục Ngạn gồm: cây ăn quả; lúa - màu; chuyên lúa; chuyên màu và rừng sản xuất.

- Phương pháp nghiên cứu: Thu thập thông tin thứ cấp ở các cơ quan Trung ương, tỉnh, huyện về tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện trong giai đoạn 2005 - 2011;

Điều tra hiệu quả sử dụng đất ở các nông hộ bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp theo phiếu. Các hộ được lựa chọn ngẫu nhiên tại 4 xã Phượng Sơn, Quý Sơn, Tân Mộc, Hộ Đáp với 100hộ/xã. 4 xã được chọn làm điểm nghiên cứu đại diện cho 2 tiểu vùng của huyện Lục Ngạn. Xã Quý Sơn và Phượng Sơn đại diện cho vùng có địa hình bằng phẳng và thấp là những xã chuyên canh vải thiều đồng thời sản xuất cây lương thực, rau màu, sản xuất chế biến hoa quả. Hai xã vùng cao là xã Tân Mộc và Hộ Đáp là những xã phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây ăn quả.

Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất của các nông hộ được tính qua các chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX), chi phí trung gian (CPTG), thu nhập hỗn hợp (TNHH), giá trị ngày công (GTNC) và hiệu quả đồng vốn (HQĐV). (Vũ Thị Bình – 2010)

Các phương pháp khác: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp dự báo. Xử lý số liệu trên chương trình Excel.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Lục Ngạn

- Về điều kiện tự nhiên: Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang có tổng diện tích tự nhiên

(DTTN) 101.728,20 ha, với 30 đơn vị hành chính gồm 29 xã và 1 thị trấn. Huyện có các tuyến giao thông QL 31, TL 279, TL 285 và 290 chạy qua giúp cho việc đi lại giao thương với bên ngoài.

Địa hình huyện chia thành 2 vùng: Địa hình vùng đồi núi cao gồm 12 xã: chiếm gần 60% DTTN toàn huyện, bị chia cắt mạnh, độ dốc khá lớn, độ cao trung bình từ 300 - 400m, trong đó, núi cao có độ dốc >25°. Địa hình vùng đồi thấp gồm 17 xã 1 thị trấn, chiếm trên 40% DTTN toàn huyện, độ dốc trung bình từ 8 - 15°, độ cao trung bình từ 80 - 120m.

Lục Ngạn nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng Đông Bắc Việt Nam, nhiệt độ trung bình cả năm là 23,5°C; lượng mưa trung bình 1.321mm; số giờ nắng bình quân 1.729 giờ; độ ẩm không khí trung bình là 81% là điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng.

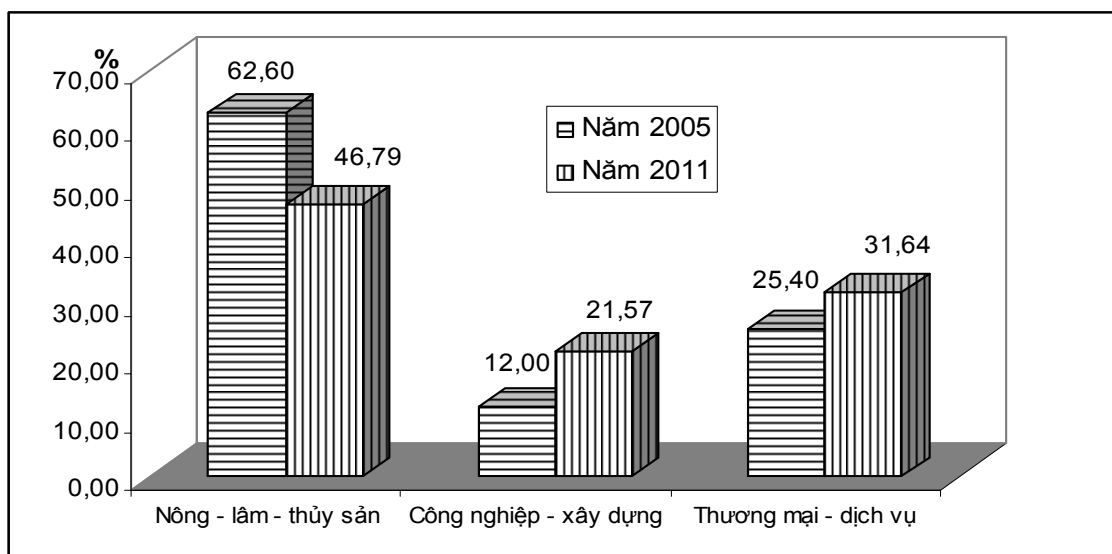
Nguồn nước mặt có sông Lục Nam chảy qua huyện, ngoài ra còn có nhiều suối nhỏ nằm rải rác ở các xã vùng cao, hệ thống ao hồ (hồ Cấm Sơn, hồ Khuôn Thân) cùng với hệ thống sông suối đã cung cấp nước khá lớn đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Tài nguyên đất: bao gồm 6 nhóm đất chính: đất phù sa sông suối, nhóm đất bùn lầy, nhóm đất Feralits vàng nhạt trên núi, nhóm đất Feralits trên núi, nhóm đất Feralits ở vùng đồi thấp, đất lúa nước vùng đồi núi. Như vậy, có thể nói đất đai huyện Lục Ngạn có chất lượng khác nhau cùng với tài nguyên khí hậu, nước... phù hợp phát triển hệ sinh thái đa dạng với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Tài nguyên rừng: là huyện miền núi có diện tích đất lâm nghiệp 37.903,80ha, chiếm 37,26% tổng DTTN toàn huyện. Rừng có vai trò quan trọng đối với phòng hộ, kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên sinh vật.

- Về điều kiện kinh tế: Tổng giá trị sản xuất (GTSX) cả nền kinh tế giai đoạn 2005 - 2011 đã đạt tốc độ tăng trưởng cao 26,18%/năm, riêng nông lâm thủy sản đạt 18,53%/năm; cơ cấu kinh tế của huyện trong giai đoạn này có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng giảm tỷ trọng nông nghiệp. Số liệu cụ thể được thể hiện trong hình 1.

Đánh giá hiệu quả và định hướng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang



Hình 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện Lạc ngạn trong giai đoạn 2005-2011

### 3.2. Biến động sử dụng đất nông nghiệp huyện Lạc Ngạn giai đoạn 2005 - 2011

Theo số liệu trong bảng 1 có thể nhận thấy, là huyện vùng đồi núi nên Lạc ngạn có diện tích đất lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản thấp nhưng quỹ đất để phát triển rừng sản xuất và cây ăn quả đặc biệt là cây vải là rất lớn. Trong giai đoạn này, diện tích rừng sản xuất của Lạc ngạn đã tăng gần gấp đôi, đất trồng vải tăng 3.195 ha. Một số cây ăn quả kém hiệu quả cũng

bị phá bỏ để chuyển sang trồng Vải tạo vùng chuyên canh vải rộng lớn. Diện tích cây hàng năm và diện tích đất lúa tăng không đáng kể do hạn chế về nguồn nước tưới. Do vậy, Lạc Ngạn phải phát huy thế mạnh từ việc sử dụng đất cây lâu năm, phát triển diện tích rừng sản xuất đồng thời hướng sử dụng đất theo mô hình nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch để phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên (như vùng hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần, hồ Làng Thum...).

Bảng 1. Biến động sử dụng đất nông nghiệp của huyện Lạc Ngạn giai đoạn 2005 – 2011(ha)

TT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2005	Diện tích năm 2011	So sánh năm 2011 với 2005
	Đất nông nghiệp:	NNP	60.871,59	66.547,62	+ 5.676,03
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	27.637,99	28.578,45	+ 940,46
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	5.661,64	5.820,14	+158,50
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.056,90	5.206,53	+149,63
1.1.2	Đất cỏ phục vụ chăn nuôi	COC	40,00	40,00	0
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	564,74	573,61	+8,87
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	21.976,35	22.758,31	+781,96
	Trong đó: Đất trồng vải		15.400,00	18.595,00	+3.195,00
2	Đất lâm nghiệp	LNP	33.217,23	37.903,80	+4.686,57
	Trong đó: Đất rừng sản xuất	RSX	14.636,00	27.995,62	+13.359,62
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	10,97	59,97	+49,00
4	Đất nông nghiệp khác	NKH	5,40	5,40	0

Nguồn: Kiểm kê đất đai năm 2005, thống kê đất đai 2011 huyện Lạc Ngạn

### 3.3 Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Do diện tích đất bằng hạn chế nên đến năm 2012 diện tích trồng lúa của huyện chỉ đạt 5.206,53ha với bình quân lương thực có hạt trên đầu người đạt 258 kg/người/năm. Với 5.206,53ha đất lúa, sản lượng lương thực thu được chỉ đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ chăn nuôi tại chỗ. Cây ăn quả lâu năm, nhất là cây vải là cây cho sản phẩm hàng hoá chủ lực, tiêu thụ cả trong và ngoài nước. Năm 2011, sản lượng vải thiều của Lục Ngạn đạt 54,8 nghìn tấn với tổng trị giá đạt 780 tỷ đồng. Đến hết năm 2011 diện tích trồng vải của Lục Ngạn đã là 18.815ha với 5.700ha được sản xuất theo quy trình VietGap. Thương hiệu vải Lục Ngạn đã được đăng ký chỉ giới địa lý để mở rộng thị trường xuất khẩu.

Chăn nuôi tập trung đã phát triển khá trong những năm gần đây với các đối tượng vật nuôi như bò, lợn, gia cầm và dê. Đây là những vật nuôi phù hợp với vùng đồi núi như Lục Ngạn, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh phức tạp nên người dân vẫn rất dè dặt trong việc mở rộng quy mô chăn nuôi.

Về NTTS, tổng diện tích mặt nước của huyện khá lớn, nhưng diện tích NTTS chỉ có 59,97ha với quy mô còn nhỏ. Sản lượng năm 2011 đạt 1.027 tấn, tăng 831 tấn so với năm 2005, chưa phát triển thành nguồn hàng hoá đáng kể.

Về lâm nghiệp, Lục Ngạn có quỹ đất lâm nghiệp khá lớn (37.903,8ha, chiếm 37,26% diện tích tự nhiên), nhưng do quá trình khai thác

nhiều năm tài nguyên rừng tự nhiên đã cạn kiệt. Trong những năm gần đây do chính sách khuyến khích của nhà nước diện tích rừng sản xuất trồng cây nguyên liệu giấy ngày càng tăng mang lại nguồn thu lớn cho người dân. Trong giai đoạn tới cần tăng diện tích rừng bằng cách phủ xanh đất trống, đồi trọc, đầu tư thâm canh rừng sản xuất để tạo ra sản phẩm hàng hoá, đồng thời môi trường sinh thái bền vững cho phát triển du lịch.

Như vậy có thể nhận thấy cây trồng hàng hóa ở huyện Lục Ngạn chủ yếu là cây ăn quả và rừng sản xuất.

### 3.4. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của huyện Lục Ngạn

Qua nghiên cứu các xã điểm, có thể nhận thấy các loại hình sử dụng đất của huyện Lục Ngạn tương đối đa dạng nhưng chỉ có 7 kiểu sử dụng đất có diện tích lớn, có hiệu quả kinh tế cao (Bảng 2).

Từ số liệu bảng 2 có thể thấy kiểu sử dụng đất có diện tích lớn nhất là vải với tổng diện tích lên tới 18.595,00 ha chiếm 27,94 % tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện. Diện tích lớn thứ hai là cây keo với 20.996,26 ha chiếm 31,55% tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện. Cây Keo được trồng để lấy gỗ và làm nguyên liệu giấy. Cùng với cây vải, cây hồng và cây na cũng được trồng với diện tích 640ha. Trong khoảng 10 năm trở lại đây hai cây ăn quả này cũng được người dân đánh giá cao về hiệu quả kinh tế.

**Bảng 2. Diện tích, tỷ lệ của các kiểu sử dụng đất chủ yếu của huyện Lục Ngạn**

TT	Các kiểu sử dụng đất	Diện tích, ha	Tỷ lệ, %
1	Chuyên lúa	786,53	1,18
2	Lúa màu	4.420,00	6,64
3	vải	18.595,00	27,94
4	Hồng	540,00	0,81
5	Na	100,00	0,15
6	Keo (nguyên liệu giấy)	17.497,26	26,29
7	Keo (lấy gỗ)	3.499,00	5,26
	Đất nông nghiệp	66.547,62	100,00

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn (2011)

Kết quả điều tra nông hộ về tình hình sử dụng đất được sử dụng để tính toán hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng và các loại hình sử dụng đất nông nghiệp (Bảng 3). Trong 7 kiểu sử dụng đất chủ yếu của huyện Lạc Ngạn thì hai kiểu sử dụng đất với cây trồng hàng năm là chuyên lúa và lúa - màu mang lại hiệu quả kinh tế không cao, đặc biệt là loại hình chuyên trồng lúa. Với kiểu sử dụng đất này mỗi năm chỉ mang lại cho người trồng 24,66 triệu sau khi trừ chi phí trung gian, giá trị ngày công là 107.000 đồng và hiệu quả đồng vốn là 1,63 lần. Kiểu sử dụng đất lúa - màu tuy mang lại giá trị sản xuất cao (80,5 triệu/ha/năm) với thu nhập hỗn hợp là 45,1 triệu đồng/năm nhưng do sử dụng nhiều công lao động nên giá trị ngày công lại thấp chỉ là 82.000 đồng. Hiệu quả đồng vốn đạt 1,27 lần (Bảng 3).

Trong 3 loại cây ăn quả là vải, hồng và na thì cây vải vẫn là cây mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất với giá trị sản xuất cao (76,8 triệu/ha/năm), 51,3 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, giá trị ngày công là 128.000đ và hiệu quả đồng vốn là 2,01 lần. Số liệu trong bảng 3 là hiệu quả kinh tế tính cho diện tích vải canh tác theo phương thức truyền thống. Với 5.700 ha vải canh tác theo quy trình VietGAP hiệu quả kinh tế cao hơn so với canh tác truyền thống từ 1,3-1,5 lần. Trong hai cây ăn quả còn lại là hồng và na thì cây hồng có hiệu quả kinh tế cao hơn na, vì thế người dân lựa chọn trồng hồng nhiều hơn trồng na và diện tích hồng hiện tại cao hơn na 5,4 lần.

Ở địa bàn huyện Lạc Ngạn, cây keo là cây lâm nghiệp chủ yếu được người dân lựa chọn trồng trên đồi. Keo được trồng để lấy gỗ và làm nguyên liệu giấy. Số liệu trong bảng 3 cho thấy hiệu quả kinh tế của kiểu sử dụng đất trồng keo lấy gỗ lớn là rất lớn với giá trị sản xuất cao (142,5 triệu/ha/năm), 52,65 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, giá trị ngày công là 180.000đ và hiệu quả đồng vốn là 1,71 lần. Trồng keo nguyên liệu giấy mang lại hiệu quả kinh tế kém hơn trồng keo lấy gỗ rất nhiều nhưng người dân vẫn lựa chọn trồng keo bán làm nguyên liệu giấy chủ yếu do thời gian thu hồi vốn nhanh hơn, hợp với điều kiện kinh tế hạn hẹp của người dân địa phương.

### 3.5. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá huyện Lạc Ngạn đến năm 2020

Qua điều kiện cụ thể của huyện Lạc Ngạn, trong giai đoạn 2013-2020 để phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, các cây trồng hàng hóa chủ lực của huyện sẽ là: cây ăn quả (vải, na, hồng...); rừng sản xuất (keo nguyên liệu giấy, keo lấy gỗ, bạch đàn...). Cây lúa, ngô và các cây rau màu đóng vai trò đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp cho nhu cầu thực phẩm của người dân trong huyện.

Để phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa cần quy hoạch các vùng chuyên canh tập trung để có thể đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển thị trường và chế biến nông sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng của huyện,

**Bảng 3. Hiệu quả kinh tế một số kiểu sử dụng đất chủ yếu của huyện Lạc Ngạn**

TT	Các LUT chủ yếu	GTSX	CPTG	TNHH	Giá trị ngày công	Hiệu quả đồng vốn
		1000 đồng/ha/năm				
1	Lúa xuân – lúa mùa	39.813	15.150	24.663	107	1,63
2	Lúa - màu	80.500	35.400	45.100	82	1,27
3	Vải	76.800	25.500	51.300	128	2,01
4	Hồng	45.000	17.000	28.000	128	1,65
5	Na	40.000	15.300	24.700	70	1,61
6	Keo (nguyên liệu giấy)	56.250	35.850	20.400	74	0,57
7	Keo (lấy gỗ)	142.500	52.650	89.850	180	1,71

dựa vào định hướng phát triển của huyện Lục Ngạn, các vùng chuyên canh của huyện được định hướng quy hoạch đến năm 2020 như sau:

+ *Các vùng trồng lúa, màu*: Dự kiến đến năm 2020, nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đất lúa màu chuyển sang các mục đích khác 280,51ha và sẽ còn khoảng 4.000 - 4.200ha. Loại hình sử dụng đất này được duy trì chủ yếu cho mục đích ổn định an ninh lương thực trên địa bàn huyện. Các vùng tập trung sản xuất lúa là các xã Quý Sơn, Thanh Hải, Tân Sơn, Trù Hựu, Biền Động, Tân Mộc, Phượng Sơn.

+ *Các vùng trồng cây ăn quả*: Trong giai đoạn tới, cần chuyển một số diện tích trồng cây ăn quả ở trên cao không có nước tưới và cho hiệu quả kém sang trồng rừng sản xuất. Đến năm 2020, diện tích trồng cây ăn quả khoảng 18.500 ha (chủ yếu là cây vải). Trọng điểm là 20 xã nằm trong vùng chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn (Hội khoa học đất Việt Nam, 2011). Trong đó diện tích trồng vải thiều chất lượng cao từ 12.000-15.000ha, tập trung ở các xã: Hồng Giang, Giáp Sơn, Thanh Hải, Biền Sơn, Trù Hựu, Quý Sơn, Phượng Sơn, Phì Điền, Tân Quang, Nghĩa Hồ. Chuyển dần các diện tích canh tác vải truyền thống sang canh tác theo VietGAP để nâng cao hiệu quả sản xuất vải.

+ Một số vùng nông nghiệp sinh thái: Phát triển du lịch sinh thái có khả năng đầu tư trở thành thế mạnh của huyện vì Lục Ngạn có các địa danh Khuôn Thần, Cẩm Sơn, Hồ Làng Thum và hệ sinh thái rừng, vườn cây ăn quả. Dự kiến đất cho phát triển du lịch 6,7 nghìn hecta, ở một số xã như xã Cẩm Sơn (có hồ Cẩm Sơn), xã Kiên Lao (xây dựng khu du lịch Khuôn Thần).

+ Phát triển rừng sản xuất: dự kiến đến năm 2020, đất rừng sản xuất sẽ được mở rộng từ đất chưa sử dụng, đất cây ăn quả hiệu quả thấp và đất rừng phòng hộ và đạt 33.000ha. Trong đó: đất chưa sử dụng chuyển sang rừng sản xuất tập trung ở các xã Xa Lý, Tân Mộc, Kiên Thành, Hộ Đáp, Tân Lập... với tổng diện tích khoảng 1.000ha; Đất cây ăn quả hiệu quả thấp chuyển sang rừng sản xuất tập trung ở các xã Hộ Đáp, Tân Mộc, Thanh Hải, Tân Lập... với tổng diện tích khoảng

4.300ha; chuyển đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất tại các xã Cẩm Sơn, Xa Lý, Sơn Hải với tổng diện tích khoảng 260ha. Rừng sản xuất có diện tích tập trung nhiều tại các xã vùng cao và vùng đệm của huyện như xã Hộ Đáp, Tân Sơn, Kiên Lao, Tân Lập...

### 3.6. Một số giải pháp chủ yếu

- *Quy hoạch sử dụng đất*: Rà soát, điều chỉnh lại quỹ đất nông nghiệp của huyện trên từng xã, xác định những vùng có lợi thế phát triển sản xuất hàng hoá để xây dựng vùng tập trung. Từ kết quả quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên toàn huyện, lựa chọn những địa bàn trọng điểm để đầu tư liên hoàn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- *Phát triển thị trường*: Dưới sự chỉ đạo của chính quyền huyện và các xã, các cơ quan chức năng có nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường cho người dân, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài vùng, kể cả xuất khẩu đi nước ngoài những sản phẩm hàng hoá có lợi thế cạnh tranh; hỗ trợ tìm đối tác tham gia liên kết vào kênh sản xuất - phân phối của những doanh nghiệp có uy tín; xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm trên các kênh thông tin truyền thông, lập website cho những sản phẩm hàng hoá trên mạng internet.

- *Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ*: Nghiên cứu ứng dụng các giống cây trồng vật nuôi chủ lực như các giống lai (lúa, đậu tương, lạc, rau quả thực phẩm) có chất lượng, năng suất cao, thích hợp với địa bàn và phù hợp thị hiếu tiêu dùng; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật liên quan đến sử dụng đất, dinh dưỡng đất (theo hướng nâng cao năng suất xanh); đẩy mạnh cơ giới hoá, chế biến, bảo quản gắn với giải pháp an toàn vệ sinh thực phẩm...

- *Tăng cường hệ thống dịch vụ nông nghiệp* như cung ứng vật tư nông nghiệp, kiểm soát chất lượng, ổn định giá cả dịch vụ.

## 4. KẾT LUẬN

Lục Ngạn là huyện miền núi có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa với

các cây hàng hóa trọng điểm là các cây như vải thiều, hồng và keo.

Kết quả nghiên cứu hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng trên địa bàn huyện cho thấy: cây vải cho hiệu quả kinh tế cao nhất với giá trị sản xuất đạt 76,8 triệu/ha/năm, 51,3 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, giá trị ngày công là 128.000 đồng và hiệu quả đồng vốn là 2,01 lần. Đứng thứ hai là kiểu sử dụng đất trồng keo lấy gỗ với giá trị sản xuất đạt 142,5 triệu/ha/năm, 52,65 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, giá trị ngày công là 180.000đ và hiệu quả đồng vốn là 1,71 lần. Các kiểu sử dụng đất hai lúa và lúa màu cho hiệu quả kinh tế không cao nhưng có vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực. Cây keo nguyên liệu giấy tuy có hiệu quả kinh tế không cao nhưng đầu tư ban đầu không lớn, không kén đất, tốn ít công lao động, có khả năng che phủ đất tốt, quay vòng vốn nhanh nên cần được duy trì và phát triển để phủ xanh đất trồng đồi trọc.

Đến năm 2020 diện tích đất chuyên lúa, lúa – màu dự kiến là 4.000 - 4.200ha, diện tích trồng cây ăn quả khoảng 18.500ha trong đó diện tích trồng vải thiều chất lượng cao từ 12.000-15.000ha (chủ yếu ở 20 xã nằm trong vùng chỉ dẫn địa lý vải thiều Lạc Ngạn). Chuyển dần các diện tích canh tác vải truyền thống sang canh tác theo

VietGAP để nâng cao hiệu quả sản xuất vải. Diện tích rừng sản xuất sẽ mở rộng lên 33.000ha tập trung tại các xã vùng cao và vùng đệm của huyện như xã Hộ Đáp, Tân Sơn, Kiên Lao, Tân Lập.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng đất, trong những năm tới, huyện tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường công tác phát triển thị trường, mở rộng các kênh phân phối nông sản, đầu tư nhiều hơn công nghệ chế biến nông sản và tăng cường hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất nông sản an toàn cho người dân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hội khoa học đất Việt Nam (2011). Quy hoạch vùng sản xuất vải an toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.
- Vũ Thị Bình (2010). Bài giảng kinh tế đất. Trường ĐH Nông nghiệp, Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân huyện Lạc Ngạn (2007). Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội đến năm 2020 huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Ủy ban nhân dân huyện Lạc Ngạn (2011). Thống kê đất đai năm 2011, kiểm kê đất đai năm 2005 huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (1998). Điều tra, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội làm căn cứ quy hoạch phát triển các vùng nông nghiệp hàng hoá.